TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN C** THÀNH PHỐ C	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 21/2022/QĐST-DS	*C, ngày 09 tháng 6 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 147, 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 36/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận của các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

***** *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị L,** sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu vực A, phường T, quận O, thành phố C.

Địa chỉ liên hệ: Khu vực 2, phường T, quận C, thành phố C.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Xuân Miền**, sinh năm: 1955 (Văn bản ủy quyền ngày 01/6/2021).

Địa chỉ: Số 54/4A đường C, phường A, quận N, thành phố C.

* *Bị đơn*:

- Ông **Nguyễn Văn N,** sinh năm 1971.
- Bà **Nguyễn Thị Nâu**, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: Số 8E/6 khu vực 2, phường H, quận C, thành phố C.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Bà **Nguyễn Thị Cẩm Thúy**, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Số 8E/6 khu vực 2, phường H, quận C, thành phố C.

- Ông **Trần Thanh Tân**, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Khu vực Thới Ngươn A, phường P, quận O, thành phố C.

Địa chỉ liên hệ: Khu vực 2, phường Hưng Thạnh, quận C, thành phố C.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L với bị đơn bà Nguyễn Thị Nâu, ông Nguyễn Văn N thống nhất hủy hợp đồng mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất và sở hữu nhà đã lập bằng giấy tay đề ngày 13/01/2021.

- Bà Nguyễn Thị Nâu và ông Nguyễn Văn N thống nhất có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị L tổng số tiền 1.025.000.000đ (Một tỷ không trăm hai mươi lăm triệu đồng) (trong đó số tiền gốc là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) và số tiền lãi là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng)).

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả lại cho bị đơn bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn N bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CS04892 do sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C cấp ngày 26/4/2017 cho bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy, thửa đất số 575, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại khu vực 2, phường H, quận C, thành phố C, sau khi bà N và ông N trả đủ số tiền trên cho bà L.

Kể từ ngày nguyên đơn bà L có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn bà N và ông N chưa thi hành thì bà Nâu và ông N còn phải chịu lãi suất chậm thi hành án, với mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

* *Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:* Số tiền là 2.840.000đ (Hai triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng), các đương sự thống nhất mỗi bên chịu ½ chi phí này, tương đương số tiền là 1.420.000đ (Một triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng). Nguyên đơn bà L đã nộp tạm ứng trước và đã chi xong, nên bị đơn bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ nộp lại số tiền là 1.420.000đ (Một triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng) tại cơ quan Thi hành án dân sự quận C để giao trả lại cho bà L.

* *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Các đương sự thống nhất mỗi bên sẽ chịu ½ án phí, cụ thể:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L nộp số tiền là 5.343.700đ (Năm triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm đồng) (có giảm 50% án phí phải chịu do có đơn xin giảm án phí hoàn cảnh gia đình khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.625.000đ (Mười triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008226 ngày 14/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C; bà L được nhận lại số

tiền 5.281.300đ (Năm triệu hai trăm tám mươi mốt nghìn ba trăm đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố C.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị N nộp số tiền 10.687.500đ (Mười triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

*** *Nơi nhận***:
- TAND TP.CT;
- VKSND Q.CR;
- Chi cục THADS Q.C;
- Đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Phan Vũ Linh